TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 01 /2023/HNGĐ-PT Ngày: 11-01-2023 V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung; Hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũ.

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Tăng Thị Thúy Hằng, Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 10/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Ly hôn; nuôi con; chia tài sản chung; Hợp đồng vay tài sản"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 105/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lý Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 08, ấp Trà Ô, xã Viên B, huyện Trần Đ, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Anh Thạch D, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Bồ Đ, xã Kế T, huyện Kế S, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Anh Thạch D: Ông Nguyễn Văn Ninh – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: số 197, đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp Bồ Đề, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Thạch C:

Bà Sơn Thị P – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Địa chỉ: số 197, đường Hùng Vương, Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người kháng cáo: Ông Thạch D là bị đơn; Ông Thạch C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/12/2021, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là Chị Lý Thị H trình bày:

Chị Lý Thị H và Anh Thạch D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Viên Bình, huyện Mỹ Xuyên, vào ngày 18/12/2009. Quan hệ vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vì vậy, đến tháng 8/2020, Chị Lý Thị H và Anh Thạch D đã ly thân từ đó cho đến nay.

Chị Lý Thị H và Anh Thạch D có 02 con chung tên là Thạch Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 24/11/2010 và Thạch Sĩ Đăng, sinh ngày 20/01/2016, hiện đang ở cùng với Anh Thạch D.

Quá trình chung sống, Chị Lý Thị H và Anh Thạch D có tạo lập được tài sản gồm:

Căn nhà xây dựng vào năm 2010 đến năm 2018 thì sữa chửa lại, diện tích 128,72m^2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sắt, nền lát gạch men. Giá trị lúc xây dựng sửa chữa khoảng 350.000.000 đồng. Căn nhà này trên thửa đất 30, tờ bản đồ số 48 diện tích 2.757,6 m^2, loại đất ở nông thôn và đất trồng cây lâu năm, nguồn gốc đất là của Ông Thạch C tạo lập và đứng tên quyền sử dụng.

01 dây hụi mùa 2.000.000 đồng/phần, vợ chồng chị tham gia 01 phần.

01 dây hụi mùa, 5.000.000 đồng/ 01 phần, vợ chồng chị tham gia 01 phần.

Do Chị Lý Thị H đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 8/2020 nên không nhớ rõ chính xác số tiền hụi của 02 dây này là bao nhiêu, chỉ ước lượng là khoảng 80.000.000 đồng.

Về nợ chung: không có.

Nay Chị Lý Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về hôn nhân: Chị Lý Thị H yêu cầu ly hôn với Anh Thạch D.

Về con chung: Chị Lý Thị H yêu cầu được nuôi con chung tên là Thạch Sĩ Đăng, sinh ngày 20/01/2016, đồng ý giao con chung tên là Thạch Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 24/11/2010, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị H yêu cầu chia ½ giá trị căn nhà theo giá do Hội đồng định giá xác định. Chị Lý Thị H xin nhận giá trị bằng tiền.

Các vật dụng trong nhà và phần đất gắn liền, Chị Lý Thị H không tranh chấp, không có yêu cầu chia.

Chị Lý Thị H yêu cầu chia ½ số tiền tại dây hụi mùa 2.000.000 đồng và dây hụi mùa 5.000.000 đồng. Số tiền cụ thể tùy vào quyết định của Hội đồng xét xử.

Về nợ chung: Chị Lý Thị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với việc Ông Thạch C cho rằng chị và Anh Thạch D có mượn 3,5 lượng vàng 24K vào năm 2018 thì hoàn toàn không có. Vì toàn bộ chi phí xây dựng, sửa chữa nhà là do vợ chồng tôi đi làm dành dụm mà có. Cho nên, Chị Lý Thị H không đồng ý trả cho Ông Thạch C 01 lượng 2,5 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của Ông Thạch C.

Đối với ý kiến của Anh Thạch D cho rằng chị có cùng Anh Thạch D mượn của anh Hứa Hoài Tâm 03 chỉ vàng 24K để sữa chữa nhà là hoàn toàn không có, Chị Lý Thị H không có mượn vàng của anh Tâm và cũng không biết gì về số vàng này.

Đối với ý kiến của Anh Thạch D cho rằng chị có cùng Anh Thạch D mượn của bà Huỳnh Thị Năm số tiền 20.000.000 đồng để sữa chữa nhà là hoàn toàn không có, Chị Lý Thị H không có mượn tiền gì của bà Huỳnh Thị Năm và cũng không biết gì về số tiền này.

Tại tờ tường trình ngày 15/01/2022, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là Anh Thạch D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Thạch D đồng ý ly hôn với Chị Lý Thị H.

Về con chung: Anh Thạch D yêu cầu được nuôi 02 con chung tên là Thạch Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 24/11/2010 và Thạch Sĩ Đăng, sinh ngày 20/01/2016, không yêu cầu chị Lý Thị Dương cấp dưỡng nuôi con.

Căn nhà được vợ chồng Anh Thạch D và Chị Lý Thị H sữa chữa vào năm 2018. Nguồn tiền sửa chữa nhà là mượn của Ông Thạch C 03 cây 05 chỉ vàng 24K và mượn của anh Hứa Hoài Tâm 03 chỉ vàng 24K.

Đối với 03 cây 05 chỉ vàng 24K mượn của Ông Thạch C thì đã trả được 01 cây vàng 24K, hiện còn nợ lại 2,5 cây vàng 24K.

Ngoài ra, Anh Thạch D có tham gia 02 chân hụi do bà Sơn Tranh Sa Ra làm đầu thảo. Trong 02 chân hụi này thì Anh Thạch D hốt hụi 01 chân và trực tiếp đóng hụi chết, còn 01 chân hụi thì vẫn còn sống.

Anh Thạch D đồng ý trả cho Ông Thạch C 1 lượng 2,5 chỉ vàng 24K theo yêu cầu của Ông Thạch C.

Anh Thạch D không đồng ý chia ½ giá trị căn nhà cho chị Lý Thi Huyên vì vợ chồng Anh Thạch D và Chị Lý Thị H mới trả được 97.600.000 đồng.

Anh Thạch D không đồng ý chia ½ giá trị 02 chân hụi tham gia của bà Sơn Tranh Sa Ra.

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 21-4-2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Thạch C trình bày:

Năm 2018 bà Huyền và ông D có sữa chữa nhà nhưng không đủ tiền nên ông D, bà Huyên có mượn của ông Các 3,5 lượng vàng 24K, hai bên không có làm biên nhận với nhau, sau khi mượn thì ông D, bà Huyên có trả từ từ được 01 lượng vàng 24K, hiện chưa trả cho ông Các 2,5 lượng vàng 24K. Ông Thạch C yêu cầu Ông Thạch D trả 12,5 chỉ vàng 24K và bà Lý Thị H trả cho ông 12,5 chỉ vàng 24K.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 105/2022/HNGĐ-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, Sóc Trăng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 102, Điều 104, Điều 106, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 160, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 468, Điều 494, Điều 496, Điều 497 và Điều 499 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa Chị Lý Thị H và Anh Thạch D.

2. Về con chung:

Giao 02 con chung tên là Thạch Sĩ Đăng, sinh ngày 20/01/2016 và Thạch Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 24/11/2010 cho Anh Thạch D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Chị Lý Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Lý Thị H không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung tên là Thạch Sĩ Đăng, sinh ngày 20/01/2016 và Thạch Thị Ngọc Trúc, sinh ngày 24/11/2010 do Thạch Dương không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung: Xác định các tài sản sau đây:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m^2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m^2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

Là tài sản chung của Chị Lý Thị H và Anh Thạch D trong thời kỳ hôn nhân.

5. Cách chia cụ thể như sau:

Chia cho Anh Thạch D toàn bộ các tài sản sau:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m^2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tôn, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m^2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

(có sơ đồ thể hiện căn nhà kèm theo bản án)

Buộc Anh Thạch D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Chị Lý Thị H phần giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận với số tiền là 201.172.785 đồng (hai trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng).

Sau khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tiền số tiền 201.172.785 đồng cho Chị Lý Thị H thì Anh Thạch D có toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt tài sản chung là các căn nhà và các dây hụi.

6. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ông Thạch C.

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm thanh toán cho Ông Thạch C 12,5 (mười hai phẩy năm) chỉ vàng 24 K, được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử là: 5.020.000 đồng/01 chỉ vàng 24K x 12,5 (mười hai phẩy năm) chỉ vàng 24 K = 62.750.000 đồng (sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

7. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Thạch C về việc đòi Chị Lý Thị H 12,5 (mười hai phẩy năm) chỉ vàng 24 K.

8. Về chi phí tố tụng:

Chị Lý Thị H được nhận lại số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng) đã thanh toán trước.

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm hoàn trả cho Chị Lý Thị H số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng (bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).

9. Về án phí:

Chị Lý Thị H phải chịu 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 10.058.639 đồng án phí chia tài sản chung, cộng chung là 10.208.639 đồng. Do Chị Lý Thị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001557 ngày 06/01/2022 và 5.375.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001558 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách nên được khấu trừ và phải nộp tiếp 4.533.639 đồng (bốn triệu năm trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).

Anh Thạch D phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Thạch D phải chịu 15.087.959 đồng (mười lăm triệu không trăm tám mươi bảy ngàn chín trăm năm mươi chín đồng) án phí chia tài sản chung.

Anh Thạch D phải chịu 3.137.500 đồng (ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của Ông Thạch C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Thạch C không phải chịu tiền án phí dân sự sở thẩm đối với yêu cầu độc lập không được chấp nhận do được miễn toàn bộ tiền án phí thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nên xem như xong không có nộp thêm hoặc hoàn trả gì.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về phần quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09-10- 2022 bị đơn Ông Thạch D kháng cáo một phần bản án sơ thẩm yêu cầu Hội đồng xet xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại phần tài sản chung chỉ có căn nhà, còn đối với 02 dây hụi là tài sản của riêng ông chứ không phải là tài sản chung.

Ngày 09-10- 2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại phần nợ chung là số vàng nguyên đơn và bị đơn đã mượn của ông, ông không đồng ý chia như bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn không có kháng cáo và vắng mặt không lý do; Bị đơn Ông Thạch D có kháng cáo và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C vẫn giữ nguyên y6u cầu độc lập và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng nguyên đơn bà Lý Thị H chưa chấp hành đúng quy định theo giấy triệu tập của Tòa án; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Ông Thạch D và Ông Thạch C, do tại phiên tòa phúc thẩm Ông Thạch D có đơn xin miễn án phí do ông là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc

biệt khó khăn; Còn Ông Thạch C là người cao tuổi. Cả ông D và ông Các đều thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326 nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét miễn án phí cho ông D và ông Các. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Ông Thạch D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức, nội dung và thời hạn kháng cáo của Ông Thạch D và Ông Thạch C là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án được xét xử theo trình tự phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo, kháng nghị và các vấn đề có liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Bản án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, hợp đồng mượn tài sản"* là chưa đầy đủ và chưa chính xác mà phải xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là *"Ly hôn; nuôi con;chia tài sản chung; Hợp đồng vay tài sản",* vì yêu cầu độc lập của Ông Thạch C là yêu cầu anh D, chị H có trách nhiệm trả số vàng đã thiếu ông Các trong thời kỳ hôn nhân nên cấp phúc thẩm bổ sung và điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Về nội dung: Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 105/2022/HNGĐ-ST ngày 27-9-2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã giải quyết các vấn đề về hôn nhân, con chung ông đều thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm nên không kháng cáo và Viện kiểm sát không có kháng nghị nên có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo và kháng nghị.

[5] Xét kháng cáo của bị đơn Thạch D:Theo quyết định của bản án sơ thẩm đã buộc Anh Thạch D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Chị Lý Thị H số tiền 201.172.785 đồng phần giá trị chênh lệch tài sản chung là căn nhà và 02 dây hụi được nhận. Sau khi xét xử sơ thẩm, anh D kháng cáo yêu cầu xác định lại phần tài sản chung chỉ có căn nhà đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh, còn 02 dây hụi là tài sản riêng của anh D chứ không phải tài sản chung của vợ chồng, anh D không đồng ý chia theo bản án sơ thẩm. Nhận thấy, theo kết quả xác minh ngày 25/5/2022 của Tòa án cấp sơ thẩm đối với bà Sơn Tranh Sa Ra xác định vào năm 2016-2017, vợ chồng chị Huyên, anh D có tham gia 02 dây hụi mùa để tên "Dương Quyên", cụ thể:

- Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn tham gia 01 phần, tính đến tháng 8/2020 dương lịch nhằm tháng 6/2020 âm lịch, nguyên đơn và bị đơn đã đóng được 11 kỳ (kỳ thứ 12 khui vào khoảng tháng 7/2020 âm lịch). Do đó, số tiền hụi của dây hụi này là 11 kỳ x 2.000.000 đồng = 22.000.000 đồng.

- Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng, nguyên đơn và bị đơn tham gia 01 phần, tính đến tháng 8/2020 dương lịch nhằm tháng 6/2020 âm lịch thì dây hụi này nguyên đơn và bị đơn đã đóng được 08 kỳ (kỳ thứ 09 khui vào khoảng tháng 7/2020 âm lịch). Do đó, số tiền hụi của dây hụi này là 08 kỳ x 5.000.000 đồng = 40.000.000 đồng.

Cộng chung giá trị 02 dây hụi nêu trên là 62.000.000 đồng.

Xét thấy, chị Huyên và anh D tham gia 02 dây hụi nói trên trong thời kỳ hôn nhân, anh D không chứng minh được số tiền dùng để đóng hụi là tài sản riêng của anh D theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định 02 dây hụi nói trên là tài sản chung và chia tài sản chung là có căn cứ, đúng pháp luật. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tổng giá trị quy đổi thành tiền tài sản chung của nguyên đơn và bị đơn là: 440.931.963 đồng (giá trị căn nhà) + 62.000.000 đồng (giá trị 02 dây hụi) = 502.931.963 đồng. Trong đó, chị Huyên được chia 40% giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 201.172.785 đồng, anh D được chia 60% giá trị tài sản chung tương ứng số tiền 301.759.178 đồng là đã có lợi cho ông D. Do đó, kháng cáo của anh D và trình bày của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét 02 dây hụi nói trên là tài sản riêng của bị đơn Thạch Dương là không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, Ông Thạch C yêu cầu Anh Thạch D và Chị Lý Thị H mỗi người trả cho ông 01 lượng 2,5 chỉ vàng 24K. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của ông Các, đồng thời buộc anh D trả 12,5 chỉ vàng 24K cho ông Các. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Các kháng cáo yêu cầu xác định lại phần nợ chung là số vàng nguyên đơn và bị đơn đã mượn của ông, không đồng ý chia theo bản án sơ thẩm. Xét thấy, mặc dù anh D thừa nhận có mượn vàng của Ông Thạch C và hiện còn nợ ông Các 2,5 lượng vàng 24K, ngoài sự thừa nhận của ông D thì Ông Thạch C không có chứng cứ chứng minh bà Huyên cùng ông D có mượn số vàng trên của ông Các trong khi mối quan hệ giữa ông Các và anh D có mối quan hệ cha con nên lời trình bày của ông D không đảm bảo tính khách quan. Đồng thời chị Huyên cũng không thừa nhận có mượn vàng của ông Các. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông Các về việc buộc chị Huyên trả 12,5 chỉ vàng 24K là có căn cứ. Kháng cáo của ông Các và trình bày của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông Các là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Từ phân tích trên, kháng cáo của bị đơn Anh Thạch D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C là không có căn cứ chấp nhận

[8] Về án phí sơ thẩm:

Tại phiên tòa phúc thẩm người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ông Thạch D, Ông Thạch D có đơn xin Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho Anh Thạch D do Anh Thạch D là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Ông Thạch C đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí đối với Ông Thạch C do Ông Thạch C là người cao tuổi. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội anh D và ông Các đều thuộc trường hợp được miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do yêu cầu xin miễn án phí của anh D được chấp nhận nên bản án sơ thẩm được sửa theo hướng Anh Thạch D được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị sửa về án phí, đồng thời quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa đúng hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về cách viết phần quyết định của bản án nên phần quyết định của bản án sơ thẩm được sửa lại cho phù hợp và dễ thi hành bản án.

[9] Về án phí phúc thẩm: Anh Thạch D và Ông Thạch C được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giả, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Thạch D.

2. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C.

3. Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 105/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, phần tuyên xử như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 102, Điều 104, Điều 106, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tài sản chung:

Xác định các tài sản sau đây:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

Là tài sản chung của Chị Lý Thị H và Anh Thạch D trong thời kỳ hôn nhân.

Cách chia cụ thể như sau:

Chia cho Anh Thạch D toàn bộ các tài sản sau:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m^2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m^2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

(Có sơ đồ thể hiện căn nhà kèm theo bản án).

Buộc Anh Thạch D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Chị Lý Thị H phần giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận với số tiền là 201.172.785 đồng *(hai trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ông Thạch C

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm thanh toán cho Ông Thạch C 12,5 *(mười hai phẩy năm)* chỉ vàng 24Kr, được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử là:

5.020.000 đồng/01 chỉ vàng 24Kr x 12,5 (mười hai phẩy năm) chỉ vàng 24Kr = 62.750.000 đồng *(sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu của Ông Thạch C về việc đòi Chị Lý Thị H trả cho ông 12,5 *(mười hai phẩy năm)* chỉ vàng 24 Kr.

3. Về chi phí tố tụng:

Chị Lý Thị H được nhận lại số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng *(bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)* đã thanh toán trước.

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm hoàn trả cho Chị Lý Thị H số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng *(bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lý Thị H phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 10.058.639 đồng *(mười triệu không trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)* án phí chia tài sản chung, cộng chung là 10.208.639 đồng *(mười triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)*. Do Chị Lý Thị H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001557 ngày 06/01/2022 và 5.375.000 đồng *(năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001558 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách nên được khấu trừ và phải nộp tiếp 4.533.639 đồng *(bốn triệu năm trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).*

Anh Thạch D được miễn toàn bộ tiền án phí.

Ông Thạch C được miễn toàn bộ tiền án phí.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Thạch D được miễn và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004750 ngày 10-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Thạch C được miễn án phí phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004749 ngày 10-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

8. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Kế S;
- CC THADS huyện Kế S;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV;
- VP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tăng Thị Thúy Nga

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 15 giờ 50 phút, ngày 11 tháng 01 năm 2023.

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Khương

Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 10/2022//TLPT- HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022 về: " Tranh chấp Hôn nhân và gia đình: Ly hôn; nuôi con; chia tài sản chung; Hợp đồng vay tài sản" GIỮA:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị H, sinh năm 1990

Địa chỉ: số 08, ấp Trà Ông, xã Viên Bình, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Anh Thạch D, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp Bồ Đề, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Anh Thạch D:

Ông Nguyễn Văn Ninh – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: số 197, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thạch C, sinh năm 1948.

Địa chỉ: ấp Bồ Đề, xã Kế Thành, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Thạch C:

Bà Sơn Thị Pheng – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ: số 197, đường Hùng Vương, phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Sau khi thảo luận, biểu quyết thì Hội đồng xét xử thống nhất 3/3 ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, khoản 1 Điều 148, và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1..Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Anh Thạch D.

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Thạch C.

Sửa một phần Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 105/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, phần tuyên xử như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 101, Điều 102, Điều 104, Điều 106, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 169, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giả, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tài sản chung: Xác định các tài sản sau đây:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

Là tài sản chung của Chị Lý Thị H và Anh Thạch D trong thời kỳ hôn nhân.

Cách chia cụ thể như sau:

Chia cho Anh Thạch D toàn bộ các tài sản sau:

+ Căn nhà chính có diện tích 8,1m x 15,9m =128,72m^2, chiều ngang 8,1m chiều dài 15,9 m, kết cấu khung bê tông cốt thép, vách xây tường 10, mái tol, cửa nhôm, cửa sát, nền lát gạch men,

+ Căn nhà sau diện tích 2,9m x 8,1m = 23,49m^2.

+ Dây hụi mùa mở tháng 7/2016 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 20 phần, mỗi phần 2.000.000 đồng với số tiền hụi là 22.000.000 đồng.

+ Dây hụi mùa mở tháng ngày 6/7/2017 âm lịch, (01 vụ lúa khui 01 lần), gồm 13 phần, mỗi phần 5.000.000 đồng với số tiền hụi là 40.000.000 đồng.

(có sơ đồ thể hiện căn nhà kèm theo bản án)

Buộc Anh Thạch D phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Chị Lý Thị H phần giá trị chênh lệch tài sản chung được nhận với số tiền là 201.172.785 đồng *(hai trăm lẻ một triệu một trăm bảy mươi hai ngàn bảy trăm tám mươi lăm đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của Ông Thạch C

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm thanh toán cho Ông Thạch C 12,5 *(mười hai phẩy năm)* chỉ vàng 24Kr, được quy đổi thành tiền tại thời điểm xét xử là: 5.020.000 đồng/01 chỉ vàng 24Kr x 12,5 (mười hai phẩy năm) chỉ vàng 24Kr = 62.750.000 đồng *(sáu mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).*

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

7. Không chấp nhận yêu cầu của Ông Thạch C về việc đòi Chị Lý Thị H trả cho ông 12,5 *(mười hai phẩy năm)* chỉ vàng 24 Kr.

3. Về chi phí tố tụng:

Chị Lý Thị H được nhận lại số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng *(bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng)* đã thanh toán trước.

Buộc Anh Thạch D chịu trách nhiệm hoàn trả cho Chị Lý Thị H số tiền chi phí tố tụng 4.170.000 đồng *(bốn triệu một trăm bảy mươi ngàn đồng).*

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lý Thị H phải chịu 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí hôn nhân sơ thẩm và 10.058.639 đồng *(mười triệu không trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng)* án phí chia tài sản chung, cộng chung là 10.208.639 đồng *(mười triệu hai trăm lẻ tám ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).* Do Chị Lý Thị H đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001557 ngày 06/01/2022 và 5.375.000 đồng *(năm triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001558 ngày 06/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kế Sách nên được khấu

trừ và phải nộp tiếp 4.533.639 đồng *(bốn triệu năm trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi chín đồng).*

Anh Thạch D được miễn toàn bộ tiền án phí.

Ông Thạch C được miễn toàn bộ tiền án phí.

5.Án phí phúc thẩm: Anh Thạch D được miễn và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004750 ngày 10-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Thạch C được miễn án phí phúc thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0004749 ngày 10-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

6. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

7.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

8.Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc lúc 16 giờ 45 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dũ **Tôn Thị Thanh Thúy** **Tăng Thị Thúy Nga**